

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN PHÚC (*)

Tìm hiểu những yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với hoạt động và nhân cách mỗi con người thuộc các giai cấp, các tầng lớp, các lĩnh vực xã hội, tác giả cho rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp bao hàm: 1/ Sự hình thành đạo đức nghề nghiệp là kết quả của phân công lao động, là sự đáp ứng những đòi hỏi của bản thân các loại hình hoạt động nghề nghiệp; 2/ Những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp thống nhất với đạo đức xã hội và là sự thể hiện đặc thù đạo đức xã hội trong từng loại hình, từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp; 3/ Đạo đức nghề nghiệp vừa là nhân tố điều chỉnh về mặt đạo đức, vừa là động lực và nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện những yêu cầu về mặt nghề nghiệp của hoạt động người. Kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp là cần thiết cả về mặt lý luận, lẫn về mặt thực tiễn đối với sự phát triển hoạt động nghề nghiệp và phát triển nhân cách đạo đức người lao động trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

Đối với quan niệm “vô luận việc gì đều do người làm ra”, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến con người, sự phát triển nhân cách con người. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân cách bao gồm và là sự thống nhất giữa đức và tài, giữa hồng và chuyên, trong đó đức là cơ sở, là gốc. Vì thế, cùng với việc chăm lo giáo dục, đào tạo về mặt chuyên môn, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến giáo dục, xây dựng đạo đức cho con người. Đối với Người, mục đích và thước đo của xây dựng đạo đức là thực tiễn đạo đức. Điều đó có nghĩa là, con người chỉ được coi là có đạo đức khi thực hiện và thể hiện được những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức của xã hội trong hoạt động sống của mình.

Hoạt động sống của con người là đa dạng, phong phú; trong đó, căn bản nhất, phổ biến nhất là hoạt động mưu sinh, hoạt động nghề nghiệp. Trong mưu sinh, con người phải tìm kiếm lợi ích cho mình. Nhưng khi thực hiện lợi ích của mình, mỗi người có thể làm thiệt hại đến lợi ích của người khác, của xã hội. Bởi thế, những ứng xử về mặt đạo đức trở thành một phương diện tất yếu trong hoạt động mưu sinh, hoạt động nghề nghiệp. Ngay từ xa xưa, với những mức độ và những hình thức nhất định, *đạo đức nghề nghiệp* đã hình thành và thu hút sự quan tâm của xã

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hội cả về mặt lý luận lẫn về mặt thực tiễn. Hồ Chí Minh không trực tiếp sử dụng thuật ngữ đạo đức nghề nghiệp, nhưng trong tư tưởng và trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo sự nghiệp xây dựng con người mới, thực chất và những nội dung căn bản của đạo đức nghề nghiệp đã được Người quan tâm và chỉ ra rất rõ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp dựa trên quan niệm về sự hình thành nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp như là kết quả tất yếu của sự phân công lao động, phân công công việc. Là kết quả của sự phân công lao động, các loại hình hoạt động, lao động của con người là bình đẳng về mặt giá trị. Tại *Hội nghị cung cấp toàn quân lần thứ nhất* (1952), Người khẳng định rằng, nước ta là một nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, “từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đây đó cho dân”. Vì vậy, “không có việc sang, hèn. Công việc gì làm tròn, bổ ích cho kháng chiến, cho nhân dân đều là công việc sang, công việc gì bên ngoài có vẻ loè loẹt mà không làm tròn là công việc xấu”(1). Như vậy, làm tròn bổn phận vừa là yêu cầu của bản thân một công việc nhất định, vừa là yêu cầu đạo đức đối với công việc hoặc nghề nghiệp đó.

Nếu sự hình thành các công việc, các nghề nghiệp khác nhau là kết quả của sự phân công lao động xã hội, thì cũng chính sự phân công lao động xã hội tạo ra những yêu cầu đặc thù cho mỗi loại hình nghề nghiệp. Hồ Chí Minh nhìn nhận tính đặc thù của nghề nghiệp thông qua tính đặc thù của các lĩnh vực hoạt động và gắn liền với mỗi lĩnh vực hoạt động là các chủ thể, các tầng lớp,

các giai cấp xã hội. Theo Người, mỗi tầng lớp, mỗi giai cấp xã hội đều có một vị trí nhất định, có vai trò không thể thay thế được. Cách mạng đòi hỏi mỗi người với tư cách thành viên của một tầng lớp, một giai cấp có bổn phận thực hiện tốt các chức trách, các nhiệm vụ được quy định bởi chính đặc trưng của hoạt động nghề nghiệp. Để thực hiện tốt các chức trách, các nhiệm vụ đó, cùng với việc trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, mỗi người phải chủ động, tích cực rèn luyện những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức gắn liền với nghề nghiệp, với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Theo tinh thần đó, Hồ Chí Minh đã chỉ ra những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức tiêu biểu, đặc trưng đối với mỗi tầng lớp, mỗi giai cấp xã hội và do đó, đối với mỗi nghề nghiệp nhất định:

1. *Đối với người cách mạng.* Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Hồ Chí Minh đã xác định tư cách người cách mạng thông qua 3 quan hệ: Đối với bản thân; đối với người; đối với công việc. Trong mỗi quan hệ đó, Người lại xác định một số chuẩn mực cơ bản; chẳng hạn: Giữ chủ nghĩa cho vững, hy sinh, ít lòng ham muốn về vật chất, bí mật, với từng người thì khoan thứ, với đoàn thể thì nghiêm, quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể,... Có thể thấy, những chuẩn mực đó phản ánh những đặc điểm của hoàn cảnh và những yêu cầu đối với người hoạt động cách mạng ở nước ta trong thời kỳ Pháp thuộc. Sau này, vào năm 1947, trong *Bài nói chuyện với cán bộ tỉnh Thanh Hóa*, Người đã cụ thể hóa và làm phong phú

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.6. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.515.

thêm những yêu cầu đó thành những yêu cầu đạo đức của người cán bộ trong điều kiện mới với 5 mối quan hệ: Đối với mình; đối với đồng chí; đối với công việc; đối với nhân dân; đối với đoàn thể và với mỗi quan hệ đều có những nội dung, những yêu cầu cụ thể(2).

Sau Cách mạng tháng Tám, khi đã có chính quyền thì quản lý nhà nước và cùng với điều đó, *đạo đức công chức* trở thành vấn đề cần xây dựng. Hồ Chí Minh đã chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng đạo đức công chức. Bởi lẽ, “những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng *cần, kiệm, liêm, chính* thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của nhân dân”. Trong tác phẩm *Đời sống mới* (1947), Người đã làm rõ nội dung của cần, kiệm, liêm, chính với tư cách là các yêu cầu, các chuẩn mực đạo đức công chức(3). Trên cơ sở đó, năm 1948, với tư cách Chủ tịch Chính phủ, Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh 188/SL quy định chế độ công chức mới; năm 1950, ban hành Sắc lệnh 76/SL về Quy chế công chức; theo đó, đạo đức công chức trong nền công vụ là đạo đức của những “công bộc của dân”, đặt lợi ích của Nhà nước lên trên hết, giữ kỷ luật và bí mật Nhà nước, làm việc theo kiểu mẫu cho nhân dân noi theo bằng việc rõ ràng, cẩn thận, đến nơi đến chốn, có lý luận và thực hành,...

2. *Đối với giai cấp công nhân.* Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân và nhìn nhận công nhân như là lực lượng hàng đầu trong sản xuất và xây dựng đất nước. Trong *Bài nói chuyện ở Trường Công đoàn*, năm 1957, Hồ Chí Minh đã khẳng định vị trí người công nhân với tư cách người chủ nước nhà, từ

đó đòi hỏi: “Công nhân phải hiểu tương lai của công nhân và tương lai của xí nghiệp phải dính liền (...) làm chủ nước nhà là nói chung, làm chủ xí nghiệp là nói riêng, xí nghiệp có phát triển, tương lai của công nhân mới tiến lên”. Vì vậy, công nhân phải “cố gắng học tập chính trị, văn hóa và kỹ thuật để tiến bộ mãi mãi”; công đoàn phải giáo dục cho công nhân về đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng, nghĩa là làm cho người công nhân “hiểu mình là chủ xí nghiệp, chủ nước nhà, hiểu lao động là vẻ vang, phải giữ gìn của công, chống tham ô lãng phí, phải bảo vệ kỷ luật lao động, phải thi đua làm tốt, nhiều, mau, rẻ. Cải thiện sinh hoạt phải dựa trên cơ sở tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm”(4).

3. *Đối với nông dân.* Nông dân ở nước ta vừa là lực lượng sản xuất căn bản, vừa là giai cấp xã hội đông đảo nhất, có vị trí quan trọng trong cơ cấu giai cấp xã hội. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới đời sống cũng như việc xây dựng giai cấp nông dân trở thành những người làm chủ tập thể trong xã hội mới. Nói chuyện với cán bộ và xã viên hợp tác xã Vĩnh Thành, Nghệ An (1955), Người nhấn mạnh rằng, ngày nay, người nông dân đã trở thành “người chủ tập thể, làm chủ hợp tác xã, làm chủ Nhà nước”. Vì thế, “mỗi xã viên cần nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. Phải có quyết tâm cần kiệm xây dựng hợp tác xã. Phải làm đúng kỷ luật lao động. Luôn luôn nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ

(2) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.54, 55.

(3) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.341, 342.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.298.

nghĩa”(5). Có thể nói, đó chính là những chuẩn mực đạo đức căn bản của người nông dân trong lao động sản xuất cũng như trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, đời sống mới.

4. *Đối với trí thức.* Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, trí thức là lực lượng quan trọng trong liên minh giai cấp của giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh đã chỉ ra vị trí, vai trò của trí thức đối với kháng chiến và kiến quốc. Trả lời một nhà báo nước ngoài (1947), Người khẳng định: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế. Chúng thực là trong cuộc kháng chiến cứu quốc này, những người trí thức Việt Nam đã góp một phần quan trọng”(6). Nói chuyện với văn nghệ sĩ, Người nói; “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà”(7). Vì vậy, Người đòi hỏi giới trí thức, mỗi người trong cương vị và nghề nghiệp của mình phải thực hiện những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức tương ứng với cương vị đó. Chẳng hạn, viên chức chính phủ “phải tuyệt đối trung thành với chính quyền dân chủ”; người phụ trách và thi hành pháp luật “phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo”; người làm công tác y tế “phải yêu thương chăm sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, coi họ đau đớn cũng như mình đau đớn”. “Lương y phải như từ mẫu”; các thầy giáo, cô giáo “phải yêu dân, yêu học trò, phải gần gũi nhau, gần gũi cha mẹ học trò”; “phải chú ý cả tài cả đức, tài là văn hóa chuyên môn, đức là chính trị. Muốn cho học trò có đức thì giáo viên phải có đức (...) thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu nhất là đối với trẻ con”(8).

Để làm tròn sứ mệnh cao quý của người trí thức, Hồ Chí Minh đòi hỏi họ “phải rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, giữ gìn thái độ khiêm tốn; phải thực sự hòa mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp”(9). Đồng thời, người trí thức cũng cần khắc phục những khuyết điểm do ảnh hưởng của “nền giáo dục nhồi sọ, chia rẽ, nô lệ của đế quốc, phong kiến” để lại. Đó là chủ nghĩa cá nhân; tính không kiên quyết; thái độ chờ đợi, bàng quan; tính bảo thủ; óc làm thuê(10).

5. *Đối với quân đội và công an.* Sứ mệnh cao cả của quân đội và công an là bảo vệ và giữ gìn an ninh Tổ quốc, trật tự xã hội. Hồ Chí Minh đòi hỏi rất cao về những phẩm chất đạo đức của họ. Với quân đội nói chung, Người khẳng định: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”(11). Cụ thể hơn, đối với cán bộ, tướng lĩnh, Người nhấn mạnh những đức tính: Đối với kỷ luật phải thưởng phạt công minh; đối với binh sĩ phải thương yêu và đồng cam cộng khổ; đối với nhân dân phải tôn trọng và giúp đỡ; đối với địch không được khinh địch; phải giữ gìn của công, chiến lợi phẩm. Đối với chiến sĩ, Người đòi hỏi, phải giữ kỷ luật nghiêm; siêng năng học tập và luyện tập; phải biết

(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.473.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.393.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.368.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.9, tr.501.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.10, tr.467.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.35.

(11) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.11, tr.351, 352.

chính trị ít nhiều; phải tăng gia sản xuất; tiết kiệm; giữ gìn vệ sinh; giúp đỡ nhân dân; chiến đấu giỏi,...

Với công an, đó là những yêu cầu: Đối với mình phải cần, kiệm, liêm, chính; đối với đồng đội phải thân ái giúp đỡ; đối với chính phủ phải tuyệt đối trung thành; đối với nhân dân phải kính trọng lễ phép; đối với công việc phải tận tụy; đối với địch phải cương quyết, khôn khéo,...(12).

Đối với thanh thiếu niên, phụ nữ, phụ lão và những tầng lớp khác, Hồ Chí Minh đều xuất phát từ đặc thù lứa tuổi, giới tính cũng như đặc thù của vị trí lĩnh vực hoạt động mà đòi hỏi và xác định những yêu cầu, những chuẩn mực cần thiết, tương ứng để xây dựng đạo đức cho họ.

Từ việc xác định những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức cho các tầng lớp, các giai cấp và do đó, cũng là cho các nghề nghiệp, có thể thấy, những tư tưởng căn bản của Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp như sau:

Thứ nhất, sự hình thành đạo đức nghề nghiệp gắn liền với sự hình thành nghề nghiệp và là sự đáp ứng những đòi hỏi của bản thân hoạt động nghề nghiệp; sự hình thành nghề nghiệp là kết quả tất yếu của phân công lao động. Như vậy, mỗi nghề nghiệp đều có chức năng xã hội nhất định; do đó, có những yêu cầu nhất định cả về mặt hoạt động, cả về mặt đạo đức. Mỗi con người, trong cương vị và lĩnh vực hoạt động của mình, nếu đáp ứng được những yêu cầu, chuẩn mực đó đều là vẻ vang.

Thứ hai, những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức của mỗi loại hình hoạt động nghề nghiệp nhất định là có tính đặc thù. Tính đặc thù của đạo đức nghề nghiệp bị quy định bởi tính đặc

thù của các loại hình hoạt động nghề nghiệp. Tuy nhiên, tính đặc thù của đạo đức nghề nghiệp không có nghĩa những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức của mỗi nghề nghiệp là riêng biệt. Như sự xác định của Hồ Chí Minh, tính đặc thù của đạo đức nghề nghiệp biểu hiện ở chỗ: Quy mô và mức độ những yêu cầu, những đòi hỏi của xã hội đối với con người trong những lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp khác nhau là khác nhau. Đạo đức nghề nghiệp không đối lập mà thống nhất với đạo đức chung của xã hội. Tuy vậy, mỗi loại hình hoạt động nghề nghiệp có một số chuẩn mực đạo đức thể hiện một cách nổi bật làm thành tính đặc thù đạo đức của nghề nghiệp đó. Chẳng hạn, đối với quân đội, công an, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự trung thành với Đảng, với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phục tùng mệnh lệnh cấp trên, dũng cảm, khôn khéo...; đối với nhà giáo, đó là sự gương mẫu và quan tâm đến học sinh; đối với cán bộ y tế, đó là lương tâm, trách nhiệm, tình thương, lương y như từ mẫu,... Những chuẩn mực đó chính là những chuẩn mực tiêu biểu của mỗi lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

Thứ ba, đạo đức nghề nghiệp vừa là bộ điều chỉnh đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp không vi phạm đạo đức xã hội, vừa là điều kiện cần thiết cho việc hoàn thành những yêu cầu về mặt nghề nghiệp của hoạt động người. Chẳng hạn, như Hồ Chí Minh đã chỉ ra, vì là có chức, có quyền nên nếu không rèn luyện và giữ vững cần, kiệm, liêm, chính thì người công chức nhất định sẽ bị hủ bại về mặt đạo đức, biến thành sâu mọt của nhân dân. Hơn thế, việc

(12) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.875.

nâng cao đạo đức nghề nghiệp còn tạo ra động cơ, động lực thúc đẩy con người nâng cao năng suất, hiệu suất trong hoạt động nghề nghiệp. Chẳng hạn, đối với người công nhân, khi nhận thức được ý nghĩa của việc làm chủ xí nghiệp, giữ gìn của công, bảo vệ kỷ luật lao động, cải thiện sinh hoạt trên cơ sở tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm thì họ sẽ hăng hái thi đua lao động, sản xuất, làm tốt, nhiều, mau, rẻ.

Như chúng ta biết, trong xã hội truyền thống, do kinh tế kém phát triển, sự phân công lao động chưa sâu, nên chỉ có một số ít hoạt động tách ra khỏi nông nghiệp để trở thành hoạt động nghề nghiệp đặc thù với số lượng người lao động không nhiều. Đồng thời định hướng đạo đức truyền thống “trọng nghĩa khinh lợi” đã làm giảm thiểu những mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng trong hoạt động sống và hoạt động mưu sinh. Vì thế, đạo đức nghề nghiệp tuy đã hình thành từ lâu nhưng chưa bao giờ trở nên cấp bách như ngày nay. Ngày nay, sự phát triển của kinh tế thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa đã làm cho phân công lao động trở nên cực kỳ sâu sắc; nhiều hoạt động trước đây không mang tính nghề nghiệp nay trở thành phương thức kiếm sống của con người. Dưới tác động của kinh tế thị trường, những đặc trưng và yêu cầu đạo đức nghề nghiệp ngày càng bộc lộ rõ rệt và trở nên cấp thiết. Khi tiến hành hoạt động nghề nghiệp, con người luôn gặp phải những tình huống, những vấn đề mà việc giải quyết chúng sẽ không có hiệu quả nếu chỉ áp dụng một cách máy móc những nguyên tắc, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Chẳng hạn, người làm báo, quân nhân, công an

không thể vì yêu cầu *trung thực* (một trong những yêu cầu của đạo đức nói chung) mà để lộ bí mật làm tổn hại đến lợi ích quốc gia. Đối với Hồ Chí Minh, *giữ bí mật quốc gia* là yêu cầu tối thiểu của công an, quân nhân và người làm báo. Trong hoạt động kinh doanh cũng vậy; mỗi thành viên của doanh nghiệp đều được yêu cầu tác nghiệp dựa trên lợi ích của công ty, và lợi ích đó đòi hỏi bảo mật thông tin như một đòi hỏi vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính đạo đức. Đó là các thông tin về tài chính, kế hoạch kinh doanh, bí quyết kinh doanh, thông tin khách hàng, thông tin kỹ thuật, thông tin về nhà cung cấp,...(13). Việc giữ bí mật, bảo mật như vậy có vẻ như là ích kỷ nếu nhìn nhận từ những nguyên tắc đạo đức thông thường, phổ biến của xã hội. Do vậy, những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp với tư cách sự cụ thể hóa đạo đức xã hội trong điều kiện đặc thù và mang tính đặc thù sẽ tạo ra một hành lang an toàn cho con người ứng xử trong hoạt động nghề nghiệp vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động vừa hợp đạo lý, vừa thực hiện được lợi ích chính đáng của cá nhân, vừa tăng cường được lợi ích chung của xã hội. Trong bối cảnh như vậy, việc kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nghề nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn. Để có thể kế thừa và phát huy một cách hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng đạo đức nghề nghiệp ở nước ta hiện nay, theo chúng tôi, cần đẩy mạnh việc thực hiện những giải pháp có tính định hướng sau:

Một là, nâng cao hơn nữa nhận thức về đạo đức nghề nghiệp. Như Hồ Chí

(13) Xem: *Quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại Eurowindow.*

Minh đã chỉ ra, những loại hình hoạt động nghề nghiệp được hình thành là do kết quả của sự phân công lao động. Sang, hèn không phải ở bản thân nghề nghiệp mà là ở chỗ, người ta có tâm huyết với nghề nghiệp hay không. Đúng là con người phải mưu sinh bằng hoạt động nghề nghiệp, nhưng lợi ích riêng lại nằm trong lợi ích chung; cho nên, trong hoạt động nghề nghiệp, con người phải có đạo đức nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp sẽ giúp người ta giải quyết được một cách hài hòa quan hệ giữa lợi ích của bản thân và lợi ích của cộng đồng, xã hội. Thông qua việc giải quyết hài hòa quan hệ đó, con người sẽ làm vinh danh cho nghề nghiệp của mình. Tuy vậy, trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, không phải ai cũng nhận thức và giải quyết được một cách hài hòa quan hệ giữa lợi ích riêng và lợi ích chung. Những biểu hiện suy thoái đạo đức nghề nghiệp, chẳng hạn, tham nhũng, cửa quyền, vi phạm dân chủ trong hoạt động công vụ; trốn thuế, làm hàng giả, vi phạm luật lao động, luật bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh; vi phạm y đức khi khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân trong lĩnh vực y tế,... đã và đang chứng tỏ điều đó. Bởi vậy, nhận thức đúng đắn về đạo đức nghề nghiệp cần được giáo dục và quán triệt trên phạm vi xã hội rộng khắp, từ những nhà quản lý xã hội, các nhà sản xuất, cung ứng dịch vụ cho đến mỗi người lao động trong các nghề nghiệp đa dạng hiện nay.

Hai là, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức nghề nghiệp là sự thể hiện đặc thù đạo đức xã hội trong hoạt động nghề nghiệp. Vì vậy, để nâng cao đạo đức nghề nghiệp, mỗi lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể cần xây dựng và đưa vào

thực hiện một *bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp*. Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp phải là sự thể hiện đặc thù những giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam cũng như những giá trị đạo đức phổ biến của hoạt động nghề nghiệp trong điều kiện hiện đại. Đồng thời, nội dung của nó phải được xác định sao cho việc áp dụng không cản trở mà còn tạo điều kiện cho việc thực hiện các lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động. Để tăng thêm tính khả thi, trong mỗi bộ luật đạo đức nghề nghiệp, phải xác định được một cách cụ thể những yêu cầu, những chuẩn mực cho mỗi loại hình hoạt động của một đơn vị, một tổ chức nghề nghiệp nhất định. Chẳng hạn, những yêu cầu, những chuẩn mực cụ thể cho người lãnh đạo; người đại diện cơ quan hoặc công ty trong quan hệ với đối tác, khách hàng; nhân viên hành chính, kế toán; người lao động trực tiếp,... Sự cụ thể hóa các yêu cầu, các chuẩn mực đó giúp cho mỗi thành viên của đơn vị nghề nghiệp, trong cương vị của mình, hoạt động một cách hiệu quả mà không vi phạm đạo đức và đạo đức nghề nghiệp. Hiện nay, ở nước ta, nhiều doanh nghiệp có vốn nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài đã có những bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp; nhiều lĩnh vực, như y tế, giáo dục, báo chí, công an, quân đội..., dưới những hình thức và mức độ nhất định, cũng đã có những quy định về đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên, còn nhiều lĩnh vực khác, đặc biệt là nhiều công ty vừa và nhỏ (với số lượng người lao động khá nhiều) chưa xây dựng được các bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Bởi vậy, cần xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa việc xây dựng các bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp cho mỗi lĩnh vực, mỗi tổ chức,

mỗi đơn vị lao động, càng cụ thể bao nhiêu càng có hiệu quả bấy nhiêu. Cùng với điều đó, còn phải giải quyết vấn đề làm thế nào để các bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp có hiệu lực trong thực tế? Đây chính là một trong những vướng mắc và hạn chế ở nước ta hiện nay. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, để phát huy hiệu quả của các bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp thì mỗi ngành, thậm chí mỗi công ty cần có một bộ phận (ban, phòng) đặc trách về đạo đức nghề nghiệp. Bộ phận đó có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo trong việc xây dựng các quy tắc và tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp, theo dõi việc thực hiện và đề xuất việc xử lý đối với các hiện tượng vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Ba là, phát huy vai trò của pháp luật trong việc xây dựng và nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Hồ Chí Minh là người nhận thức rất rõ vai trò của pháp luật đối với đạo đức nói chung, đạo đức nghề nghiệp nói riêng. Để xây dựng và nâng cao đạo đức nghề nghiệp, Người luôn đòi hỏi phải tôn trọng pháp luật, kỷ luật lao động trong hoạt động nghề nghiệp. Vì vậy, trong điều kiện hiện nay, cần hoàn thiện, tăng cường chất lượng pháp luật và ban hành bổ sung các luật nghề nghiệp nhằm bao quát đầy đủ hơn các loại hình hoạt động nghề nghiệp ngày càng đa dạng trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. Tăng cường chất lượng nghĩa là các điều khoản của luật nghề nghiệp cần được xác định một cách chặt chẽ và phù hợp hơn với tính chất của các loại hình nghề nghiệp cũng như những điều kiện kinh tế – xã hội hiện nay. Điều đó sẽ tạo ra một hành lang an toàn không chỉ về mặt pháp luật mà cả về mặt đạo đức

cho con người trong hoạt động nghề nghiệp. Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành khá nhiều luật, pháp lệnh, chẳng hạn: Luật Lao động, Luật Kinh doanh, Luật Giáo dục, Luật Khoa học và công nghệ,... Tuy vậy, như nhận định của Đảng, “hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm”(14). Như vậy, việc hoàn thiện, bổ sung và nâng cao chất lượng pháp luật nói chung, luật nghề nghiệp nói riêng là công việc vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa có ý nghĩa lâu dài. Bởi lẽ, sự phát triển của nghề nghiệp luôn đặt ra những vấn đề về pháp luật và đạo đức. Hơn thế, những yêu cầu về mặt pháp luật đối với hoạt động nghề nghiệp chính là những yêu cầu đạo đức tối thiểu của hoạt động nghề nghiệp. Việc ngăn chặn những vi phạm pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp chính là cơ sở, tiền đề để ngăn chặn sự vi phạm đạo đức nghề nghiệp và phát huy sức mạnh của đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của con người. Cùng với điều đó, cần có một sự quyết tâm của cả xã hội mà trước hết là của những người lãnh đạo, quản lý và cần có một cơ chế hữu hiệu để thực thi pháp luật tạo điều kiện cho xây dựng và nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

Hoạt động nghề nghiệp không chỉ là phương thức kiếm sống của con người mà còn tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Xây dựng và nâng cao đạo đức nghề nghiệp theo tư tưởng Hồ Chí Minh là công việc vừa cấp bách vừa lâu dài nhằm phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực – mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội Việt Nam. □

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.131.